TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG ANA** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 01/2020/QĐST-DS	*Krông Ana, ngày 07 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG ANA, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Đoàn.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhất - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Krông Ana mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2020/TLST- VDS ngày 05 tháng 02 năm 2020 về việc "*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*"; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 35/2020/QĐST- VDS ngày 24 tháng 08 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Ngọc A, sinh năm 1998; Địa chỉ: Đội 4, buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Chi cục T huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Địa chỉ: Số 13 L, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu T, chức vụ: Chi cục trưởng Chi cục T huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.2. Ông Trần Ngọc O, sinh năm 1969;

2.3. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1975;

2.4. Chị Trần Thị Thanh D, sinh năm 1995;

Cùng địa chỉ: Đội 4, buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.5. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1969; Địa chỉ: Số 02 hẻm đường V, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2.6. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1929; Địa chỉ: Thôn G, xã I, huyện N, tỉnh Quảng Trị.

2.7. Ông Hoàng Văn S, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện J, tỉnh Đắk Nông.

(Đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong đơn yêu cầu ngày 14/10/2019 và đơn sửa đổi nội dung đơn yêu cầu ngày 13/02/2020, tại bản tự khai và tại phiên họp người yêu cầu việc dân sự anh Trần Ngọc A trình bày:

Ngày 25/9/2019 anh A nhận được Thông báo số 705/TB-CCTHADS ngày 18/9/2019 của Chi cục T huyện K về quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản chung của hộ gia đình. Theo nội dung thông báo thì anh được biết ông Trần Ngọc O và bà Hoàng Thị B (là bố mẹ đẻ anh) có nợ tiền của bà Đỗ Thị H; Trú tại số nhà 02 hẻm đường V, thị trấn T, huyện K.

Theo Thông báo của Chi cục T huyện K về việc thi hành tài sản của gia đình anh là thửa đất thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13, diện tích 2.325m^2 và thửa đất số 214, tờ bản đồ 13, diện tích 800 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) số K 260773 do UBND huyện K cấp ngày 25/5/2001, theo đơn yêu cầu thi hành án của bà Đỗ Thị H và Quyết định số 21/2018/QĐST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk; thì ông Trần Ngọc O, bà Hoàng Thị B còn phải trả nợ cho bà H tiền gốc là 518.000.000 đồng. Anh A chỉ biết cha mẹ anh còn nợ tiền vay và tiền nhận chuyển nhượng 7.780m^2 đất rẫy cà phê của bà H, việc nợ tiền như thế nào thì anh A không biết.

Gia đình anh từ ngoài quê vào lập nghiệp, sinh sống tại địa bàn xã M, huyện K từ năm 1994, lúc đó anh còn nhỏ và sau này nghe cha, mẹ kể lại là được ông bà bên nội và bên ngoại cho gia đình anh một số tiền, vàng trị giá 400.000.000 đồng để cho gia đình và chị em anh có điều kiện ăn học (việc cho tiền vàng không lập giấy tờ gì). Hai chị em anh đồng ý để cha mẹ anh lấy số tiền, vàng mua 01 thửa đất diện tích 3.125m^2 ở xã M (nay thuộc xã B) để làm nhà ở và sinh sống. Quá trình sử dụng đất gia đình đã xây nhà, trồng cây ăn trái ổn định cho đến nay.

Nay 02 thửa đất số 187a và 214; tổng diện tích 3.125m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất bị Chi cục T huyện K ra quyết định thi hành án, để thi hành theo đơn yêu cầu của bà Đỗ Thị H và quyết định của Tòa án, thì đây là tài sản chung của hộ gia đình, anh A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trị giá là ¼ trong khối tài sản chung của hộ gia đình anh nêu trên.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị B trình bày:

Năm 1994, vợ chồng bà B ông O vào lập nghiệp và sống tại địa bàn xã M, huyện K, vì mới vào nên ông bà chưa có chỗ ở và phải ở nhờ nhà tập thể của khu

thực nghiệm trường Đại học T.

Đến trước năm 2001 (không nhớ thời gian cụ thể) thì gia đình bà B có nhận chuyển nhượng của ông V (đến nay không biết họ và địa chỉ ở đâu) với diện tích khoảng hơn 3.000m^2 với giá 15.000.000 đồng (tương đương khoảng 03 cây vàng). Khi nhận chuyển nhượng, diện tích đất này chưa được cấp GCNQSDĐ nên giữa hai bên chỉ lập giấy tờ mua bán tay với nhau và gia đình bà B đã trả đủ tiền mua đất cho ông V, còn giấy sang nhượng đất này ông O bà B đã làm mất.

Sau khi nhận chuyển nhượng diện tích đất nêu trên thì một thời gian khá lâu sau gia đình bà B mới làm thủ tục để được cấp GCNQSDĐ. Hiện thửa đất mà gia đình bà B nhận chuyển nhượng của ông V đã được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số K 260773 đối với thửa đất số 187a, tờ bản đồ 13, diện tích 2.325m^2 và thửa đất số 214, tờ bản đồ 13, diện tích 800m^2; ngày cấp GCNQSDĐ là 25/5/2001.

Trước khi nhận chuyển nhượng diện tích của 02 thửa đất nên trên, gia đình bà B gồm vợ chồng bà B ông O và 02 người con là Trần Ngọc A và Trần Thị Thanh D đã được bố mẹ hai bên nội ngoại cho tiền để mua đất và làm nhà. Cụ thể:

Trước năm 2001 (không nhớ thời gian) bố mẹ đẻ ông O là ông Trần Ngọc X (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ, địa chỉ: Thôn G, xã I, huyện N, tỉnh Quảng Trị đã cho gia đình bà B số tiền mặt là 200.000.000 đồng. Bà B về nhà bố mẹ ông O ở Quảng Trị để nhận tiền. Bố mẹ ông O là người trực tiếp đưa tiền cho bà B. Sau khi được bố mẹ đẻ của ông O cho số tiền này thì gia đình bà B đã dùng để mua diện tích đất nêu trên.

Sau khi mua đất khoảng 01 năm, thì bố mẹ đẻ bà B là ông Hoàng Văn S và bà Nông Thị Y (đã chết), địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện J, tỉnh Đắk Nông đã cho gia đình bà B số tiền là 200.000.000 đồng để cho gia đình bà B xây nhà và nuôi các con ăn học, bà B là người về nhận số tiền này. Sau khi được bố mẹ đẻ của bà B cho tiền thì gia đình bà B đã tiến hành xây nhà.

Khi cho tiền thì bên nội và bên ngoại đều không lập giấy tờ gì, mà chỉ nói là cho vợ chồng bà B và các con của bà B.

Nay anh A yêu cầu xác định anh có quyền sở hữu, quyền sử dụng trị giá ¼ đối với tài sản chung của gia đình là 02 thửa đất số 187a, 214 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, để thi hành án, thì bà B đồng ý với yêu cầu của anh A vì vợ chồng bà B đã dùng một phần số tiền mà ông bà nội ngoại cho anh A để mua đất và xây nhà nên anh A cũng có quyền lợi đối với diện tích đất này.

- Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc O và chị Trần Thị Thanh D trình bày:

Ông O là chồng của bà B, còn chị D là con đẻ của ông O và bà B; ông O và chị D thống nhất với ý kiến trình bày của bà B và không có ý kiến gì.

- Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đỗ Thị H trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2018/QĐST -DS ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk

thì ông Trần Ngọc O, bà Hoàng Thị B; Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 518.000.000 đồng và tiền lãi là 4.852.000 đồng, số tiền này là tiền vợ chồng ông O, bà B nhận chuyển nhượng 7.780m^2 đất rẫy cà phê của bà H còn nợ. Do ông O bà B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H theo quyết định của Tòa án, nên ngày 17/12/2018 bà H đã nộp đơn yêu cầu thi hành án tại Chi cục T huyện K để yêu cầu thi hành theo quyết định của Toà án.

Ngày 09/4/2019, Chi cục T đã tiến hành kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông O, bà B là thửa đất số 187a và thửa đất số 214 tọa lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; tài sản gắn liền trên đất. Do 02 thửa đất trên đã được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp GCNQSDĐ đứng tên hộ ông Trần Ngọc O nên Chi cục T đến nay chưa thể xử lý tài sản được.

Nay anh A yêu cầu xác định anh có quyền sở hữu, quyền sử dụng trị giá ¼ đối với tài sản chung của gia đình là 02 thửa đất số 187a, 214 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, để thi hành án, bà H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong Công văn số 446/CCTHADS ngày 19/6/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi cục T huyện K trình bày:

Ngày 17/12/2018 Chi cục T huyện K (viết tắt là Chi cục T) nhận được đơn yêu cầu thi hành án của bà Đỗ Thị H; địa chỉ: Số 02, hẻm đường V, thị trấn T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 21/2018/QĐST-DS ngày 19/6/2018 của Toà án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk. Theo nội dung quyết định và đơn yêu cầu thi hành án trên thì ông Trần Ngọc O, bà Hoàng Thị B; Địa chỉ: Buôn C, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk phải trả nợ tiền gốc là 518.000.000 đồng và tiền lãi là 4.852.000 đồng cho bà H.

Ngày 21/12/2018 Chi cục T huyện K đã ra quyết định thi hành án số 194/QĐ-CCTHADS ngày 21 tháng 12 năm 2018. Nội dung ông O, bà B phải trả số tiền còn nợ trên cho bà H và phân công Chấp hành viên tổ chức thi hành bản án trên theo đúng quy định của pháp luật. Hết thời hạn tự nguyện thi hành án nhưng ông O, bà B không tự nguyện thi hành án. Chấp hành viên Chi cục T (sau đây gọi tắt là Chấp hành viên) tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông O, bà B kết quả xác minh cho thấy:

Về nhân thân: ông O, bà B có 02 người con là (Trần Thị Thanh D sinh năm 1995; Trần Ngọc A sinh năm 1998).

Về tài sản ông O, bà B có tài sản gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại các thửa đất: Thửa đất số 187a; tờ bản đồ số 13 có diện tích 2.325m^2; mục đích sử dụng: 400m^2 đất ở khu dân cư ổn định; 1.925m^2 đất trồng cà phê, thời hạn sử dụng 2043; Thửa đất số 214; tờ bản đồ số 13 có diện tích 800m^2, mục đích sử dụng đất trồng cà phê, thời hạn sử dụng 2043, tọa lạc tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; được Uỷ ban nhân dân huyện K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K260773, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 305085 QSDĐ/KH ngày 25 tháng 5 năm 2001 đứng tên hộ ông Trần Ngọc O. Tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp bốn có diện tích 76m^2 và cây trồng trên đất. Qua khảo sát giá tại địa phương tổng các tài sản trên của ông O, bà B có giá khoảng 281.000.000 đồng.

Ngày 27/3/2019 Chấp hành viên đã ra Quyết định kê biên tài sản số 06/QĐ-THA và thực hiện việc kê biên tài sản vào ngày 09/4/2019 đối với các tài sản nêu trên. Do tài sản trên được cấp cho hộ ông O và bà B, căn cứ khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự, Chấp hành viên đã ra thông báo Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu, sử dụng đối với tài sản chung của hộ gia đình số 705/TB-CCTHADS ngày 18/9/2019 của Chi cục T và đã thông báo cho ông O, bà B, chị D, anh A được biết và ấn định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo này hoặc kể từ ngày được thông báo hợp lệ ông O, bà B *(là người phải thi hành án)*, chị D; anh A *(là con trai và con gái của ông O, bà B)* là những thành viên trong hộ gia đình tính đến thời điểm xác lập khối tài sản có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung của hộ gia đình, nhưng hết thời hạn trên ông O, bà B, chị D, anh A không khởi kiện.

Từ những cơ sở trên Chi cục T kê biên xử lý tài sản trên của ông O, bà B là đúng với Luật thi hành án dân sự, các văn bản pháp luật hiện hành.

Nay anh A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trong khối tài sản chung để thi hành án, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn S trình bày:

Ông S là cha đẻ của bà Hoàng Thị B; có vợ là bà Nông Thị Y (sinh năm 1953, đã chết vào năm 2019). Vào tháng 02/1993 ông S có cho vợ chồng bà B ông O 200.000.000 đồng, số tiền này là tiền hồi môn của cha mẹ ông để lại, còn đối với chị Trần Thị Thanh D và anh Trần Ngọc A là cháu ngoại nên ông không cho gì. Khi cho tiền không làm giấy tờ và cam kết gì, người trực tiếp nhận tiền là bà B. Việc ông O, bà B dùng số tiền ông cho để nhận chuyển nhượng đất và xây nhà thì ông không biết. Việc anh Trần Ngọc A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trong khối tài sản chung để thi hành án, thì ông không có ý kiến gì.

- Trong biên bản lấy lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bà Đ là mẹ đẻ của ông O, chồng bà là ông Trần Ngọc X (đã chết vào năm 2002), bà không cho ông O, bà B và các con 200.000.000 đồng, còn chồng bà có cho hay không thì bà không biết. Việc anh Trần Ngọc A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trong khối tài sản chung để thi hành án, thì bà không có ý kiến gì. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do tuổi cao sức yếu bà không tự viết đơn cũng như đến Tòa án làm việc được, nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:*

Trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán cũng như tại phiên họp Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết việc dân sự các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; thời hạn giải quyết việc dân sự còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu.

Về việc giải quyết việc dân sự, đề nghị Thẩm phán: Căn cứ vào khoản 9 Điều 27; Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 116; Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 74 Luật thi hành án dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Ana đề nghị Thẩm phán không chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Ngọc A, về yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trị giá ¼ trong khối tài sản chung là thửa đất số 187a, 214, thuộc GCNQSDĐ số K260773 do UBND huyện K cấp ngày 25/5/2001 cho hộ ông Trần Ngọc O.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Krông Ana nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Ngọc O, bà Hoàng Thị B, chị Trần Thị Thanh D, bà Đỗ Thị H, Chi cục T huyện K, bà Nguyễn Thị Đ, ông Hoàng Văn S, vắng mặt và có đơn, đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu của anh Trần Ngọc A yêu cầu xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trị giá ¼ trong khối tài sản chung là thửa đất số 187a, thửa đất số 214 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc GCNQSDĐ số K260773 do UBND huyện K cấp ngày 25/5/2001 cho hộ ông Trần Ngọc O, để thi hành án.

[3]. Anh A là con đẻ của ông O, bà B; có hộ khẩu đăng ký trong sổ hộ khẩu gia đình ông O, (theo sổ hộ khẩu cấp đổi lại số 160099092, lập ngày 04/6/2010), thì ông Trần Ngọc O là chủ hộ, còn trong GCNQSDĐ thì ông O đứng tên đại diện hộ gia đình. Mặc dù GCNQSDĐ cấp cho hộ gia đình ông O, nhưng về nguồn gốc đất: Thửa đất số 187a và 214, ông O, bà B, anh A và chị D đều thừa nhận nhận chuyển nhượng của ông V (đến nay không biết họ và địa chỉ ở đâu) từ trước năm 2001, sau khi nhận chuyển nhượng đất được 01 năm thì xây nhà, khi đó đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Ông O, bà B, anh A và chị D đều cho rằng tiền nhận chuyển nhượng đất và tiền xây nhà là do ông bà bên nội, bên ngoại cho gia đình anh tiền, vàng trị giá 400.000.000 đồng để bố mẹ dành dụm cho chị em anh có điều kiện ăn học. Anh A và chị D đồng ý để cha mẹ anh lấy số tiền, vàng mua 02 thửa đất trên, nhưng qua lời khai của ông Hoàng Văn S (là cha đẻ của bà Hoàng Thị B), thì vào tháng 02/1993 ông S có cho vợ chồng ông O, bà B 200.000.000 đồng, còn đối với chị D và anh A là cháu ngoại nên ông không cho gì hết; mặt khác qua lời khai của bà Nguyễn Thị Đ (là mẹ đẻ của ông O) có chồng là ông Trần Ngọc X (đã chết vào năm 2002), thì bà Đ không cho ông O, bà B và các con 200.000.000 đồng, còn chồng bà có cho hay không thì bà không biết.

Tại thời điểm Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất (cấp GCNQSDĐ ngày 25/5/2001) và gia đình xây nhà, thì chị D (sinh năm 1995), anh A (sinh năm 1998) còn nhỏ chưa đủ 15 tuổi. Do vậy, anh A không có công sức đóng góp gì vào 02 thửa đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên.

Ngoài ra tại phiên họp anh A cũng thừa nhận số tiền gốc 518.000.000 đồng và tiền lãi là 4.852.000 đồng mà ông O, bà B còn nợ cho bà H, theo quyết định của Tòa án là tiền vay và tiền nhận chuyển nhượng đất rẫy cà phê của bà H để phục vụ hoạt động kinh tế chung cho gia đình, nên hộ gia đình anh cũng phải chịu trách nhiệm trả nợ.

[4]. Xét yêu cầu của anh A: Qua lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ tài liệu lưu trong hồ sơ việc dân sự thì 02 thửa đất số 187a và 214 và tài sản gắn liền với đất mà Chi cục T đã kê biên, để thi hành án là tài sản của ông Trần Ngọc O, bà Hoàng Thị B. Anh A không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh là có quyền sở hữu tài sản và quyền sử dụng đất đối với các tài sản này.

Do vậy, xét yêu cầu của anh Trần Ngọc A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trị giá là ¼ trong khối tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất số 187a, thửa đất số 214 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc GCNQSDĐ số K260773 do UBND huyện K cấp ngày 25/5/2001 cho hộ ông Trần Ngọc O, để thi hành án là không có căn cứ để chấp nhận.

[5]. Về lệ phí: Anh Trần Ngọc A phải chịu tiền lệ phí việc dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27; Điều 361; Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 116; Điều 118 Bộ luật dân sự năm 1995. Điều 74 Luật thi hành án dân sự (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

1. Không chấp nhận đơn yêu cầu của anh Trần Ngọc A yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của anh trị giá là ¼ trong khối tài sản chung của hộ gia đình là thửa đất số 187a, tờ bản đồ số 13 có diện tích 2.325m^2; thửa đất số 214, tờ bản đồ 13, diện tích 800m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền với đất, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K260773, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 305025 QSDĐ/KH do UBND huyện K cấp ngày 25/5/2001 cho hộ ông Trần Ngọc O, để thi hành án.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Ngọc A phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền lệ phí việc dân sự, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí mà anh A đã nộp tại Chi cục T huyện K, theo biên lai thu số 0003713 ngày 20 tháng 01 năm 2020, anh A đã nộp xong tiền lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Đương sự có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định, đương sự vắng mặt tại phiên họp thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được quyết định hoặc được tống đạt hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Ana;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn